

Bản án số: 295/2025/DS-ST

Ngày: 24-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1986

Địa chỉ: 15/50 Đoàn Như H, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Minh C, sinh năm 1968

Địa chỉ: E14/458, ấp 5, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị P, sinh năm 1965

Địa chỉ: 25A Bùi Minh T, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày:

Ông cho ông Lê Minh C vay 04 đợt với tổng số tiền vay là 1.556.000.000đ (một tỷ năm trăm năm mươi sáu triệu đồng). Ông C đã trả được 100.000.000 đồng tiền gốc nên số tiền gốc còn lại là 1.456.000.000đ (một tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng). Cụ thể như sau: Đợt 1: Ngày 22/11/2017, cho ông C vay số tiền 236.000.000 đồng, thời gian vay là 06 tháng, với lãi suất không 0%. Đợt 2: Ngày 25/11/2021, cho ông C vay thêm số tiền 440.000.000 đồng, tiền lãi là 17.500.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 07 tháng, kể từ ngày 25/11/2021 đến ngày 25/6/2022. Nhưng mãi đến ngày 30/8/2022 ông C mới trả được 100.000.000 đồng và ông T xác định số tiền này được trả vào số tiền gốc, nên số tiền gốc của đợt vay này chỉ còn lại 340.000.000 đồng. Đợt 3: Ngày 24/9/2022, ông T tiếp tục cho ông C vay thêm số tiền là 480.000.000 đồng, tiền lãi là

15.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Đợt 4: Ngày 14/11/2022, ông T tiếp tục cho ông C vay thêm số tiền là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 3%/tháng, thời hạn vay đến hết ngày 20/02/2023, nhưng ngày 14/12/2022 ông C phải trả trước cho ông 100.000.000 đồng và đến hết ngày 20/02/2023 ông C phải trả cho ông cả gốc và lãi theo thỏa thuận. Đồng thời trong giấy vay tiền đợt này có nói đến tổng số tiền vay của 03 đợt là 1.116.000.000 đồng. Do ông C không có tiền để trả hết đợt 04 vào ngày 20/02/2023, nên ông C nói đến ngày 20/02/2023 ông C chỉ có thể trả cả gốc và lãi của 03 đợt cho ông, là các đợt vay vào ngày 22/11/2017, ngày 24/9/2022 và ngày 14/11/2022. Tổng số tiền gốc của 03 đợt vay ngày 22/11/2017, ngày 24/9/2022 và ngày 14/11/2022 mà hai bên đã xác nhận là 1.116.000.000 đồng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên buộc ông C phải có trách nhiệm trả số tiền 236.000.000đ (hai trăm ba mươi sáu triệu đồng) mà ông C đã vay của tôi vào ngày 22/11/2017.

2. Tuyên buộc ông C phải có trách nhiệm trả số tiền gốc còn lại của đợt vay ngày 25/11/2021 với số tiền 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng).

3. Tuyên buộc ông C phải có trách nhiệm trả số tiền 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng) mà ông C đã vay của tôi vào ngày 24/9/2022.

4. Tuyên buộc ông C phải có trách nhiệm trả số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) mà ông C đã vay của tôi vào ngày 14/11/2022.

5. Tuyên buộc ông C phải trả tiền lãi theo thỏa thuận trong giấy vay ngày 25/11/2021 với số tiền được tính từ ngày 25/11/2021 đến ngày 30/8/2022 là $440.000.000đ * 20\%/365 \text{ ngày} * 275 \text{ ngày} = 66.301.370đ$ (sáu mươi sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

6. Tuyên buộc ông C phải trả tiền lãi theo thỏa thuận trong giấy vay ngày 24/9/2022 với số tiền là $480.000.000đ * 20\%/365 \text{ ngày} * 90 \text{ ngày} = 23.671.233đ$ (hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

7. Tuyên buộc ông C phải trả tiền lãi theo thỏa thuận trong giấy vay ngày 14/11/2022 với số tiền là $400.000.000đ * 20\%/365 \text{ ngày} * 96 \text{ ngày} = 21.041.096đ$ (hai mươi một triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

8. Tuyên buộc ông C phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn của đợt vay ngày 22/11/2017 chưa trả cho đến khi ông C trả hết nợ, với số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tạm tính từ ngày 23/5/2018 đến ngày 27/3/2025 là: $236.000.000đ * 10\%/365 \text{ ngày} * 2.500 \text{ ngày}$ (số ngày chậm trả tiền) = 161.643.836 đồng.

9. Tuyên buộc ông C phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn của đợt vay ngày 25/11/2021 chưa trả cho đến khi ông C trả hết nợ, với số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tạm tính từ ngày 31/8/2022 đến ngày 27/3/2025 là: $373.698.630đ * 150\% * 20\%/365 \text{ ngày} * 939 \text{ ngày}$ (số ngày chậm trả tiền) = 262.405.479 đồng.

10. Tuyên buộc ông C phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn của đợt vay ngày 24/9/2022 chưa trả cho đến khi ông C trả hết nợ, với số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tạm tính từ ngày 26/12/2022 đến ngày 27/3/2025 là: $480.000.000đ * 150\% * 20\%/365 \text{ ngày} * 822 \text{ ngày}$ (số ngày chậm trả tiền) = 324.295.890 đồng.

11. Tuyên buộc ông C phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn của đợt vay ngày 14/11/2022 chưa trả cho đến khi ông C trả hết nợ cho tôi, với số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tạm tính từ ngày 21/02/2023 đến ngày 27/3/2025 là: $400.000.000đ * 150\% *$

$20\%/365 \text{ ngày} * 765 \text{ ngày (số ngày chậm trả tiền)} = 251.506.849 \text{ đồng.}$

12. Tuyên buộc ông C phải trả khoản tiền lãi do chậm trả tiền lãi của khoản vay ngày 21/11/2021 cho đến khi ông C trả hết nợ, với số tiền lãi do chậm trả tiền lãi tạm tính từ ngày 31/8/2022 đến ngày 27/3/2025 là: $23.671.233đ * 10\%/365 \text{ ngày} * 939 \text{ ngày (số ngày chậm trả tiền)} = 17.056.709 \text{ đồng.}$

13. Tuyên buộc ông C phải trả khoản tiền lãi do chậm trả tiền lãi của khoản vay ngày 24/9/2022 cho đến khi ông C trả hết nợ, với số tiền lãi do chậm trả tiền lãi tạm tính từ ngày 26/12/2022 đến ngày 27/3/2025 là: $23.671.233đ * 10\%/365 \text{ ngày} * 822 \text{ ngày (số ngày chậm trả tiền)} = 5.330.891 \text{ đồng.}$

14. Tuyên buộc ông C phải trả khoản tiền lãi do chậm trả tiền lãi của khoản vay ngày 14/11/2022 cho đến khi ông C trả hết nợ, với số tiền lãi do chậm trả tiền lãi tạm tính từ ngày 21/02/2023 đến ngày 27/3/2025 là: $21.041.096đ * 10\%/365 \text{ ngày} * 765 \text{ ngày (số ngày chậm trả tiền)} = 4.409.983 \text{ đồng.}$

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn và tiền lãi do chậm trả tiền lãi mà ông C phải có nghĩa vụ trả cho ông T với tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2025 là 2.593.663.336 đồng. 15. Tuyên buộc ông C phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông C thanh toán hết tiền nợ.

Bị đơn là ông Lê Minh C trình bày: Ông thừa nhận có ký Hợp đồng cho vay tiền ngày 22/11/2017 (kèm biên bản giao nhận tiền ngày 22/11/2017), Giấy vay tiền ngày 25/11/2021, Văn bản xác nhận có vay ngày 24/9/2022, Văn bản xác nhận có vay ngày 14/11/2022 với ông Trần Văn T. Khoảng cuối năm 2016, bị đơn có nhờ nguyên đơn làm giấy tờ nhà xưởng tại E14/458, ấp 5, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, nên đến ngày 25/11/2021 thì nguyên đơn có yêu cầu tính thêm phí làm giấy tờ là 200.000.000 đồng, cộng vào khoản vay 135.000.000 đồng để lập Giấy vay tiền ngày 25/11/2021, tổng số tiền là 335.000.000 đồng, với lãi suất 4%/ tháng. Lý do, ghi 440.000.000 đồng là cộng thêm tiền lãi từ tháng 06/2021 đến 11/2021 là 105.000.000 đồng. Đối với khoản vay 440.000.000 đồng này thì đến tháng 08/2022 tính cả lãi là 480.000.000 đồng, bị đơn đã trả 120.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 31/8/2022, trong đó có chuyển khoản 100.000.000 đồng (đã cung cấp cho Tòa Quận T) và 20.000.000 đồng không lập giấy tờ, sau khi trả 120.000.000 đồng thì nguyên đơn đồng ý bằng miệng là đối với Giấy vay tiền ngày 25/11/2021, bị đơn chỉ phải trả 200.000.000 đồng tiền lãi (bớt tiền lãi 160.000.000 đồng), do tiền gốc đã trả đủ. Do đó, ông chỉ đồng ý còn nợ 200.000.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận miệng ngày 31/8/2022 với nguyên đơn. Ông không đồng ý bà P phải liên đới trả nợ vì đây là nợ riêng với mục đích vay cá nhân, không liên quan gì đến bà P và ông đã làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở (một phần) số công chứng 00008605 ngày 16/7/2018 tại VPCC Thịnh Vượng cho bà P.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lê Minh C trả ông Trần Văn T số tiền gốc vay là 236.000.000 đồng và trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn với lãi suất 10%/năm tính từ ngày 23/5/2018; Buộc ông Lê Minh C trả ông Trần Văn T số tiền gốc còn nợ là 340.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 340.000.000đ x

$150\% \times 20\%/365\text{ngày} \times \text{số ngày chậm trả tiền từ ngày 31/8/2022 đến ngày xét xử}$; Buộc ông Lê Minh C trả ông Trần Văn T tiền gốc vay là 480.000.000 đồng; trả tiền lãi theo thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 24/9/2022 với số tiền 480.000.000 đ $\times 20\%/365\text{ ngày} \times 90\text{ ngày} = 23.671.233\text{ đồng}$; trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 26/12/2022 đến khi ông C trả hết nợ, tạm tính đến ngày 01/12/2024 là $480.000.000\text{đ} \times 150\% \times 20\%/365\text{ngày} \times 706\text{ ngày}$ (số ngày chậm trả tiền) = 278.531.507 đồng; trả tiền lãi do chậm trả tiền lãi tính từ ngày 26/12/2022 đến khi ông C trả hết nợ, tạm tính đến ngày 01/12/2024 là $23.671.233\text{đ} \times 10\%/365\text{ ngày} \times 706\text{ ngày}$ (số ngày chậm trả tiền lãi) = 4.578.600 đồng; Buộc ông Lê Minh C trả ông Trần Văn T tiền gốc vay là 400.000.000 đồng; trả tiền lãi theo thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 14/11/2022 với số tiền 400.000.000 đ $\times 20\%/365\text{ ngày} \times 96\text{ ngày} = 21.041.096\text{ đồng}$; trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 21/02/2023 đến khi ông C trả hết nợ, tạm tính đến ngày 01/12/2024 là $400.000.000\text{đ} \times 150\% \times 20\%/365\text{ngày} \times 649\text{ ngày}$ (số ngày chậm trả tiền) = 213.369.863 đồng; trả tiền lãi do chậm trả tiền lãi tính từ ngày 21/02/2023 đến khi ông C trả hết nợ, tạm tính đến ngày 01/12/2024 là $21.041.096\text{đ} \times 10\%/365\text{ ngày} \times 649\text{ ngày}$ (số ngày chậm trả tiền lãi) = 3.741.280 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn đối với số tiền $23.671.233\text{đ} \times 10\%/365\text{ ngày} \times \text{số ngày chậm trả tiền từ ngày 31/8/2022 đến ngày xét xử}$ và yêu cầu trả tiền lãi theo thỏa thuận trong giấy vay ngày 25/11/2021 với số tiền được tính từ ngày 25/11/2021 đến ngày 30/8/2022 là $440.000.000 \times 20\%/365\text{ ngày} \times \text{đến ngày xét xử}$.

Đình chỉ yêu cầu buộc bà Đặng Thị P liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản vay của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Lê Minh C có nơi cư trú tại E14/458, ấp 5, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có giao kết với nhau Hợp đồng cho vay tiền ngày 22/11/2017 (kèm biên bản giao nhận tiền ngày 22/11/2017), Giấy vay tiền ngày 25/11/2021, Văn bản xác nhận có vay ngày 24/9/2022, Văn bản xác nhận có vay ngày 14/11/2022.

[5] Xét yêu cầu buộc ông Lê Minh C trả số tiền nợ gốc 236.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 22/11/2017:

Căn cứ Hợp đồng cho vay tiền ngày 22/11/2017 và Biên bản giao nhận tiền cùng ngày, sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn, xác định ông C đã vay ông Trần Văn T số tiền 236.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (từ 22/11/2017 đến 22/5/2018), lãi suất 0% trong hạn, lãi suất quá hạn 20%/năm.

Nguyên đơn trình bày ông C chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền gốc hoặc lãi nào. Ông C thừa nhận có ký hợp đồng nhưng cho rằng chỉ nhận 200.000.000 đồng, 36.000.000 đồng là tiền lãi, và đã trả toàn bộ 236.000.000 đồng cuối năm 2018 tại quán cà phê, nhưng không có giấy tờ chứng minh việc trả nợ.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả nợ. Do đó, nghĩa vụ chứng minh thuộc về ông C nhưng ông C không chứng minh được.

Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận hợp pháp giữa các bên, bên vay có nghĩa vụ hoàn trả tài sản đúng hạn.

Có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên buộc ông Lê Minh C trả số tiền gốc 236.000.000 đồng cho ông Trần Văn T theo khoản vay ngày 22/11/2017.

[6] Xét yêu cầu trả tiền nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 22/11/2017 tính từ ngày ngày 23/5/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất quá hạn không vượt quá 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng thỏa thuận lãi suất quá hạn và nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất quá hạn 10%/ năm là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận, buộc bị đơn phải trả số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 23/5/2018 đến ngày 24/4/2025 là: $236.000.000đ \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 2.528 \text{ ngày} = 163.454.246 \text{ đồng}$.

[7] Xét yêu cầu tuyên buộc ông Lê Minh C trả số tiền nợ gốc còn lại theo Giấy vay tiền ngày 25/11/2021 với số tiền 440.000.000 đồng

Theo Giấy vay tiền viết tay ngày 25/11/2021, ông Lê Minh C xác nhận vay ông Trần Văn T số tiền 440.000.000 đồng, với lãi suất 17.500.000 đồng/tháng (tương đương 47,73%/năm), thời hạn vay 7 tháng từ 25/11/2021 đến 25/6/2022.

Nguyên đơn cho biết bị đơn đã thanh toán 100.000.000 đồng tiền gốc, do đó số tiền gốc còn lại là 340.000.000 đồng. Trong khi đó, bị đơn thừa nhận ký giấy vay nhưng khẳng định chỉ nhận 135.000.000 đồng (bao gồm 100.000.000 đồng vay tháng 4/2021 và 35.000.000 đồng vay tháng 6/2021), đồng thời cho rằng số tiền 200.000.000 đồng được cộng thêm là phí dịch vụ làm giấy tờ nhà xưởng từ năm 2016, và 105.000.000 đồng là tiền lãi từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2021. Bị đơn cho rằng đã trả 120.000.000 đồng (100.000.000 đồng bằng chuyển khoản, 20.000.000 đồng tiền mặt) vào ngày 31/8/2022, và hai bên đã thỏa thuận miệng rằng bị đơn chỉ còn nợ 200.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh các ý kiến này, ngoại trừ chứng cứ chuyển khoản 100.000.000 đồng, mà nguyên đơn cũng đã xác nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ Giấy vay tiền ngày 25/11/2021, có căn cứ xác định ông C đã vay 440.000.000 đồng từ ông T. Việc bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh chỉ nhận 135.000.000 đồng hoặc các khoản phí dịch vụ, cùng với xác nhận đã nhận đủ tiền trong giấy vay, là cơ sở để khẳng định nghĩa vụ vay 440.000.000 đồng. Nguyên đơn công nhận bị đơn đã trả 100.000.000 đồng, do đó có cơ sở chấp nhận số tiền gốc còn lại là 340.000.000 đồng.

[8] Xét yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn từ 25/11/2021 đến 30/8/2022 (66.301.370 đồng) và lãi quá hạn từ 31/8/2022. Xét lãi suất thỏa thuận trong giấy vay (47,73%/năm) vượt quá mức 20%/năm theo Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên chỉ chấp nhận lãi

suất trong hạn 20%/ năm (nguyên đơn cũng đã yêu cầu điều chỉnh lãi suất 20%) và lãi suất quá hạn là 150% x 20% (tức 30%). Yêu cầu tính lãi quá hạn trên số tiền 373.698.630 đồng là không có cơ sở, chỉ có cơ sở tính trên số tiền gốc còn lại 340.000.000 đồng. Ngoài ra, yêu cầu tính lãi trong hạn là 66.301.370 đồng và tiền lãi chậm trả là 17.056.709 đồng vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, và phát sinh sau thời điểm hồi thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không được xem xét. Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn trả 340.000.000 đồng tiền gốc và lãi quá hạn tính trên số tiền này từ 31/8/2022 đến ngày 24/4/2025:

$$340.000.000đ \times 150\% \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 967 \text{ ngày} = 270.230.137 \text{ đồng}$$

[9] Xét yêu cầu tuyên buộc ông Lê Minh C trả số tiền nợ gốc là 480.000.000 đồng theo Văn bản xác nhận có vay ngày 24/9/2022

Theo Văn bản xác nhận vay tiền ngày 24/9/2022, ông C xác nhận vay ông T 480.000.000 đồng, lãi suất 15.000.000 đồng/tháng (tương đương 37,5%/năm), thời hạn vay 3 tháng từ 24/9/2022 đến 25/12/2022, với tiền lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa trả bất kỳ khoản gốc hay lãi nào, và yêu cầu bị đơn trả 480.000.000 đồng tiền gốc. Bị đơn thừa nhận ký văn bản nhưng cho rằng không nhận tiền, chỉ xác nhận các khoản nợ trước đó, và hiện chỉ còn nợ 200.000.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận miệng ngày 31/8/2022. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh này. Căn cứ Văn bản xác nhận vay tiền ngày 24/9/2022 và Văn bản xác nhận ngày 14/11/2022 (xác nhận tổng nợ 3 đợt là 1.116.000.000 đồng), có căn cứ xác định ông C đã vay 480.000.000 đồng. Việc bị đơn có đủ năng lực hành vi dân sự khi ký văn bản và không đưa ra chứng cứ phản bác dẫn đến trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ theo giao dịch đã ký kết. Có cơ sở chấp nhận, buộc bị đơn trả tiền gốc là 480.000.000 đồng.

[10] Xét yêu cầu bị đơn trả lãi trên nợ gốc là 480.000.000 đồng

Căn cứ Văn bản xác nhận vay tiền ngày 24/9/2022, lãi suất thỏa thuận 37,5%/năm vượt quá mức 20%/năm theo Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn cũng đã điều chỉnh yêu cầu chỉ đòi lãi suất 20%/ năm. Do đó, có cơ sở chấp nhận lãi suất trong hạn 20%, lãi quá hạn 30% (150% x 20%), và lãi trên lãi chậm trả 10%. Thời gian tính lãi trong hạn (90 ngày) và lãi quá hạn từ 26/12/2022 là phù hợp, nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận:

Lãi trong hạn tính từ ngày 24/9/2022: $480.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 90 \text{ ngày} = 23.671.233 \text{ đồng}$.

Lãi quá hạn tính từ ngày 26/12/2022 đến ngày 24/4/2025: $480.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 850 \text{ ngày} = 335.342.465 \text{ đồng}$.

Lãi chậm trả tính từ ngày 26/12/2022 đến ngày 24/4/2025: $23.671.233 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 850 \text{ ngày} = 5.512.478 \text{ đồng}$.

Bị đơn có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả là: 364.526.176 đồng.

[11] Xét yêu cầu buộc bị đơn khoản vay 400.000.000 đồng theo Văn bản xác nhận có vay ngày 14/11/2022

Theo Văn bản xác nhận vay tiền ngày 14/11/2022, ông C xác nhận vay thêm 400.000.000 đồng từ ông T, lãi suất 3%/tháng (36%/năm), thời hạn vay từ 14/11/2022

đến 20/02/2023, với cam kết trả 100.000.000 đồng vào 14/12/2022 và trả hết gốc, lãi vào 20/02/2023.

Nguyên đơn xác nhận bị đơn chưa trả bất kỳ khoản nào, yêu cầu trả 400.000.000 đồng tiền gốc. Bị đơn thừa nhận ký văn bản nhưng cho rằng không đọc nội dung, không vay thêm 400.000.000 đồng, và chỉ nợ 200.000.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận miệng. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh. Căn cứ Văn bản xác nhận ngày 14/11/2022, có thể xác định ông C đã vay 400.000.000 đồng. Với năng lực hành vi dân sự đầy đủ, bị đơn phải chịu trách nhiệm về giao dịch đã ký. Có cơ sở chấp nhận, buộc bị đơn trả tiền gốc là 400.000.000 đồng.

[12] Xét yêu cầu bị đơn trả lãi trên nợ gốc là 400.000.000 đồng

Tại Văn bản xác nhận vay tiền ngày 14/11/2022, các bên thỏa thuận lãi suất 36%/năm vượt quá 20%/năm, nên chỉ chấp nhận lãi suất trong hạn 20% phù hợp với điều chỉnh của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, lãi quá hạn 30%, và lãi trên lãi chậm trả 10%. Thời gian tính lãi trong hạn (96 ngày) là có lợi cho bị đơn, và thời gian tính lãi quá hạn từ 21/02/2023 là phù hợp. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn được chấp nhận:

Lãi trong hạn tính từ ngày 14/11/2022: $400.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 96 \text{ ngày} = 21.041.096 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn tính từ ngày 21/02/2023 đến ngày 24/4/2025: $400.000.000 \text{ đồng} \times (150\% \times (20\%/365 \text{ ngày})) \times 793 \text{ ngày} = 260.712.328 \text{ đồng}$.

Lãi chậm trả tính từ ngày 21/02/2023 đến ngày 24/4/2025: $21.041.096 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 793 \text{ ngày} = 4.571.394 \text{ đồng}$.

Bị đơn có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lại chậm trả là: 286.324.818 đồng.

[13] Về yêu cầu buộc bà Đặng Thị P liên đới chịu trách nhiệm

Nguyên đơn đã rút lại yêu cầu đối với phần này nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu yêu cầu buộc bà Đặng Thị P liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản vay của bị đơn.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc theo các Hợp đồng cho vay tiền ngày 22/11/2017 (kèm biên bản giao nhận tiền ngày 22/11/2017), Giấy vay tiền ngày 25/11/2021, Văn bản xác nhận có vay ngày 24/9/2022, Văn bản xác nhận có vay ngày 14/11/2022 là 1.456.000.000 đồng và tổng số tiền lãi là 1.084.535.377 đồng. Không chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi trong hạn là 66.301.370 đồng và tiền lãi chậm trả là 17.056.709 đồng. Tổng cộng, bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 2.540.535.377 đồng.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận

[15] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Lê Minh C phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T:

- Đối với Hợp đồng cho vay tiền ngày 22/11/2017, bị đơn phải trả nợ gốc là 236.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 23/5/2018 đến ngày 24/4/2025 là 163.454.246 đồng.

- Đối với Giấy vay tiền ngày 25/11/2021, bị đơn phải trả nợ gốc là 340.000.000 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 31/8/2022 đến ngày 24/4/2025 là 270.230.137 đồng.

- Đối với Văn bản xác nhận có vay ngày 24/9/2022, bị đơn phải trả nợ gốc là 480.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 23.671.233 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 26/12/2022 đến ngày 24/4/2025 là 335.342.465 đồng, nợ lãi chậm trả tính từ ngày 26/12/2022 đến ngày 24/4/2025 là 5.512.478 đồng.

- Đối với Văn bản xác nhận vay tiền ngày 14/11/2022, bị đơn phải trả nợ gốc là 400.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 21.041.096 đồng, nợ lãi quá hạn là 260.712.328 đồng, nợ lãi chậm trả tính từ ngày 21/02/2023 đến ngày 24/4/2025 là 4.571.394 đồng.

Ông Lê Minh C phải trả tổng số nợ gốc là 1.456.000.000 đồng và tổng số tiền nợ lãi là 1.084.535.377 đồng. Tổng cộng, ông C phải trả cho nguyên đơn là 2.540.535.377 đồng (Hai tỷ năm trăm bốn mươi triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm bảy mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Văn T cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Lê Minh C chậm thực hiện nghĩa vụ, thì ông Lê Minh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi theo thỏa thuận trong giấy vay tiền ngày 25/11/2021 với số tiền được tính từ ngày 25/11/2021 đến ngày 30/8/2022 là 66.301.370 đồng và tiền lãi do chậm trả tiền lãi của khoản vay ngày 21/11/2021 được tính từ ngày 31/8/2022 đến ngày 27/3/2025 là 17.056.709 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Đặng Thị P liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản vay của bị đơn.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 82.810.708 đồng.

Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.167.904 đồng. Ông Trần Văn T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 32.966.925 đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0035808 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T được nhận lại 28.799.021 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân h. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ
tọa phiên tòa**

Nguyễn Gia Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ
tọa phiên tòa**

**Nguyễn Gia
Nam**



